

Số: 198/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 186/2026/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **TAT**, sinh ngày 26/06/1990; CCCD số 06*****88; ngày cấp: 30/05/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày; nơi đăng ký thường trú: B, phường B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Chị **DTL**, sinh ngày 28/01/1991; CCCD số 00*****53; ngày cấp: 18/01/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: Tổ 27, phường L, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh TAT, sinh năm 1990 và chị

ĐTL, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh TAT và chị ĐTL, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh T và chị L cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu TĐHS, sinh ngày 21/08/2014.

Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu HS cho chị L là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh T đến khi cháu HS đủ 18 tuổi, hoặc khi có yêu cầu khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung: Anh TAT và chị ĐTL không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Anh TAT và chị ĐTL cùng xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh TAT chịu toàn bộ 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh Tuấn đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0004361 ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả anh T số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- Phòng thi hành án KV5;
- UBND P.Văn Miếu, Q.Đống Đa, HN nay là P.Văn Miếu – Quốc Tử Giám (GCN số 50 quyền số 01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc